TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10/02/2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Hải
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Quách Hà Vính
2. Bà Trần Thị Dần

- *Thư ký phiên toà*: Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa*** *tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Hiên - Kiểm sát viên .

Ngày 10 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 281/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 06/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 12/01/2023, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T; Sinh năm: 1990
Địa chỉ: Thôn E, xã L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
Có mặt
2.Bị đơn: Anh Bùi Văn Th; Sinh năm: 1984
Địa chỉ: Thôn E, xã L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/11/2022, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 14/02/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên sảy ra cãi cọ và đã có lần dẫn đến đánh đập, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Bùi Văn T, sinh ngày 01/8/2008, Bùi Hồng T, sinh ngày 18/4/2013 và Bùi Quang H, sinh ngày 25/3/2018. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi cả 03 con và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T đề nghị thay đổi về việc nuôi con chung. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và cháu H, giao cháu T1 cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị T vẫn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Tại bản tự khai ngày 13/12/2022 và trong phiên hòa giải, bị đơn anh Bùi Văn Th trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 14/02/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận bình thường. Trong cuộc sống, vợ chồng đôi lúc cũng có sảy ra cãi cọ và những lúc nóng giận thì anh cũng có tát chị T một, hai cái. Nhưng anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng nên anh mong muốn vợ chồng được đoàn tụ, anh không đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Bùi Văn T, sinh ngày 01/8/2008, Bùi Hồng T, sinh ngày 18/4/2013 và Bùi Quang H, sinh ngày 25/3/2018. Do anh không đồng ý ly hôn nên anh cũng không có yêu cầu về việc tranh chấp nuôi con.

Về tài sản: Anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Bùi Văn Th ; Về con chung: Giao cả 03 con chung là Bùi Văn T, sinh ngày 01/8/2008, Bùi Hồng T, sinh ngày 18/4/2013 và Bùi Quang H, sinh ngày 25/3/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của

việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như VKS được biết.

[2]. Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Th lần thứ hai đến để tham gia phiên toà nhưng anh Th vắng mặt không có lý do nên căn cứ quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt anh Th.

[3]. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 14/02/2008 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên sảy ra cãi cọ và đã có lần dẫn đến đánh đập, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Việc này, cả chị T và anh Th đều thừa nhận và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương. Mặc dù anh Th mong muốn vợ chồng được đoàn tụ nhưng chị T nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Bùi Văn Th.

[4]. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Bùi Văn T, sinh ngày 01/8/2008, Bùi Hồng T, sinh ngày 18/4/2013 và Bùi Quang H, sinh ngày 25/3/2018. Xét thấy, cháu T và cháu T1 có nguyện vọng được ở với mẹ, còn cháu H còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Quá trình giải quyết vụ án anh Th không có ý kiến về phần con chung. Do đó, nên chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cả 03 con là Bùi Văn T, sinh ngày 01/8/2008, Bùi Hồng T, sinh ngày 18/4/2013 và Bùi Quang H, sinh ngày 25/3/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

[5]. Về tài sản: Chị T và anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Bùi Văn Th.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Văn T, sinh ngày 01/8/2008, Bùi Hồng T, sinh ngày 18/4/2013 và Bùi Quang H, sinh ngày 25/3/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Anh Th có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí DSST là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số AA/2021/0007890 ngày 02/12/2022. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Bùi Thị T, vắng mặt anh Bùi Văn Th. Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Th có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã Thành Long;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Hải